TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 29/7/2019.
V/v *"Xin ly hôn và giải quyết nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thanh Bình

2/ Bà Phạm Hồng Gái

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/03/2019 về việc "*Xin ly hôn và giải quyết nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ánh N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K.

(Chị N có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Nguyễn VănV**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K.

(Anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Ánh N trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị Ánh N và anh Nguyễn VănV tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, anh chị có

đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Kvà được cấp giấy chứng nhận kết vào năm 2002. Trong quá trình chung sống anh chị sống rất hạnh phúc cho đến năm 2010 khi chị N sinh con thứ hai thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu về vấn đề tình cảm vợ chồng, anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, chị N và anh Vđã sống ly thân với nhau được hơn 05 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn VănV.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng Nh1, sinh năm 2010.

Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu 02 người con chung (vì hiện nay cả 02 người con chung đang do chị N nuôi dưỡng).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Vphải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị N khai rằng vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn VănV trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Anh Vthống nhất lời trình bày của chị Phan Thị Ánh N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Mâu thuẫn giữa anh và chị N là bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi nhau. Anh và chị N đã sống ly thân với nhau được 05 năm nay, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Nay chị N xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng Nh1, sinh năm 2010. Anh Vđồng ý để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh V thống nhất anh và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh Vkhông trình bày gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Ánh N với anh Nguyễn VănV. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vô, đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Hồng Nh và Nguyễn Thị Hồng Nh1 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Phan Thị Ánh N thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Ánh N và anh Nguyễn VănV đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang được cấp giấy chứng nhận kết vào năm 2002 đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống nên hai người thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị N cùng 02 người con chung trở về nhà mẹ ruột của chị sinh sống, từ đó hai người cũng bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay đã được hơn 05năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Vkhông còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Vđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn thì được anh Vđồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thuận tình ly hôn này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Vô.

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng Nh1, sinh năm 2010.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị Phan Thị Ánh N; Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng Nh và Nguyễn Thị Hồng Nh1 là hoàn toàn có cơ sở. Bởi lẽ, hiện nay cả 02 người con chung đang ở cùng với chị N; đồng thời yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung của chị N cũng được anh Vđồng ý. Ngoài ra, theo bản tự khai của cháu Nhung và cháu Hiếu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ tức là chị N sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh Vphải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Các đương sự đều xác nhận là không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị Ánh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Ánh N với anh Nguyễn VănV.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng Nh1, sinh năm 2010 cho chị Phan Thị Ánh N được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên anh Vkhông phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị N nuôi con, anh Vđược quyền đến thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cấm cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Ánh N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0002153, ngày 06/03/2019 tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Phan Thị Ánh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn VănV có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp